TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Tuyết Nhung; Ông Phạm Văn Nhẹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: Ông Phan Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGD ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1996; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 30B T, khu phố N, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Lâm Phét Đ**, sinh năm 1987; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 30B T, khu phố N, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Qua mai mối và tìm hiểu thời gian ngắn, chị và anh Lâm Phét Đ tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường cải nhau, dù đã khuyên giải nhưng vẫn không thể hòa hợp. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có một người con chung tên Lâm Kim Du M, sinh ngày 10/11/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lâm Phét Đ trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, phát sinh mâu thuẫn, theo anh nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng có cải nhau về vấn đề tiền bạc. Do anh còn thương vợ và mong muốn được hàn gắn, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị H về con chung. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con. Nếu Tòa giải quyết ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con và anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Đ đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh Đ; Về con chung giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi, anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị H và anh Đ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lâm Phét Đ có nơi cư trú khu phố B, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lâm Phét Đ đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Đ, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Phét Đ sống chung vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường cải nhau, dù

đã khuyên giải nhưng vẫn không thể hòa hợp. Anh Đ xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình. Anh Đ nêu ra mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn do còn thương chị H, nhưng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ hàn gắn và vắng mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị H với anh Đ đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Xét thấy hôn nhân của chị H và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Đ có một người con chung tên Lâm Kim Du M, sinh ngày 10/11/2013.

Xét thấy, qua lời trình bày của chị H và anh Đ thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu M đều do chị H và anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2019, thì cháu M có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị H hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng có ý kiến nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu M cho chị H được quyền nuôi. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Đ về con chung, giao cháu M cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị H là người trực tiếp nuôi con nên anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là 1.500.000 đồng là phù hợp với thực tế và anh Đ có ý kiến đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị H và anh Lâm Phét Đ phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lâm Phét Đ.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lâm Kim Du M, sinh ngày 10/11/2013. Anh Lâm Phét Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lâm Phét Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43471 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí.

Anh Lâm Phét Đ phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án ăn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy